

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| I. THÔNG TIN CHUNG | 4 |
| 1. Thông tin khái quát..... | 4 |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 6 |
| 2.1. Hoạt động sản xuất và xuất khẩu bao bì nhựa | 6 |
| 2.2. Hoạt động kinh doanh thương mại hạt nhựa | 8 |
| 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..... | 10 |
| 3.1. Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam..... | 10 |
| 3.2. Các công ty con, công ty liên kết | 14 |
| 4. Định hướng phát triển..... | 15 |
| 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty | 15 |
| 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn | 15 |
| 4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty | 15 |
| 5. Các rủi ro..... | 16 |
| 5.1. Rủi ro về kinh tế..... | 16 |
| 5.2. Rủi ro về luật pháp..... | 18 |
| 5.3. Rủi ro về đặc thù ngành..... | 18 |
| 5.4. Rủi ro về môi trường..... | 20 |
| 5.5. Rủi ro bất khả kháng | 21 |
| II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024 | 22 |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 22 |
| 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024..... | 22 |
| 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch..... | 22 |
| 2. Tổ chức và nhân sự | 23 |
| 2.1. Danh sách Ban điều hành | 23 |
| 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành | 24 |
| 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên | 25 |
| 2.4. Chính sách đối với người lao động | 25 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án..... | 27 |
| 3.1. Các khoản đầu tư lớn..... | 27 |
| 3.2. Các công ty con, công ty liên kết | 27 |
| 4. Tình hình tài chính | 28 |
| 4.1. Tình hình tài chính | 28 |
| 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... | 28 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu..... | 29 |



| | | |
|------|--|----|
| 5.1. | Cổ phần..... | 29 |
| 5.2. | Cơ cấu cổ đông | 29 |
| 5.3. | Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 30 |
| 5.4. | Giao dịch cổ phiếu quỹ..... | 32 |
| 5.5. | Các chứng khoán khác | 32 |
| 6. | Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty | 32 |
| 6.1. | Tác động lên môi trường..... | 32 |
| 6.2. | Quản lý nguồn nguyên vật liệu | 32 |
| 6.3. | Tiêu thụ năng lượng | 33 |
| 6.4. | Tiêu thụ nước | 33 |
| 6.5. | Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường | 33 |
| 6.6. | Chính sách liên quan đến người lao động | 33 |
| 6.7. | Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương | 34 |
| III. | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 35 |
| 1. | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 | 35 |
| 2. | Tình hình tài chính | 35 |
| 2.1. | Tình hình tài sản..... | 35 |
| 2.2. | Tình hình nợ phải trả..... | 36 |
| 3. | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 37 |
| 4. | Kế hoạch phát triển trong tương lai | 37 |
| 5. | Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty..... | 38 |
| 5.1. | Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) ... | 38 |
| 5.2. | Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động | 38 |
| 5.3. | Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương | 38 |
| IV. | ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 39 |
| 1. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội | 39 |
| 2. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty | 39 |
| 3. | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 40 |
| V. | QUẢN TRỊ CÔNG TY..... | 41 |
| 1. | Hội đồng quản trị | 41 |
| 1.1. | Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị | 41 |
| 1.2. | Hoạt động của Hội đồng quản trị | 41 |
| 1.3. | Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập | 42 |
| 1.4. | Chính sách phát triển và đào tạo chuyên viên cho thành viên Hội đồng quản trị..... | 43 |
| 2. | Ban Kiểm soát | 43 |

| | | |
|------|---|----|
| 2.1. | <i>Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.....</i> | 43 |
| 2.2. | <i>Hoạt động của Ban kiểm soát</i> | 43 |
| 3. | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát | 43 |
| 3.1. | <i>Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.....</i> | 43 |
| 3.2. | <i>Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ</i> | 44 |
| 3.3. | <i>Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ</i> | 45 |
| 3.4. | <i>Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....</i> | 45 |
| VI. | BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 46 |
| 1. | Ý kiến kiểm toán | 46 |
| 2. | Báo cáo tài chính được kiểm toán..... | 46 |

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SINH THÁI VIỆT NAM**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0106798702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/03/2015, thay đổi lần thứ 12 ngày 28/01/2026.
- Vốn điều lệ: 299.999.850.000 đồng
(Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025: 200.000.000.000 đồng)
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025: 239.608.795.511 đồng
- Địa chỉ: Thôn Trung Dương, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 0221 3791 003 Email: info@ecoplastic.com.vn
- Website: www.ecoplastic.com.vn
- Mã cổ phiếu: ECO

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam thành lập năm 2015, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa màng mỏng truyền thống sử dụng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày và kinh doanh thương mại hạt nhựa. Các sản phẩm bao bì nhựa của Công ty chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về mẫu mã và chất lượng. Tận dụng thế mạnh về kinh doanh thương mại, Công ty không chỉ sử dụng nguồn nguyên vật liệu hạt nhựa cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại Nhà máy, mà còn được Công ty đưa vào thương mại trong nước, giúp tăng doanh thu và hiệu quả kinh tế cho Công ty.

-
- Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam được thành lập vào ngày 24/03/2015 với số vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm từ nhựa (plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh). Nhà máy sản xuất đạt chuẩn ISO 9001:2015 được xây dựng trên diện tích trên 3.600 m² với công suất ban đầu 150 tấn sản phẩm/tháng. Sản phẩm chính là bao bì nhựa (túi T-shirt và túi Flat cuộn) được xuất khẩu sang một số nước như Ba Lan, Mỹ.
-
- **Năm 2015**
 - Công ty tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Nhà máy được trang bị lắp đặt thêm hệ thống máy thổi màng LDPE, LLDPE, máy ép bao bì đứng – zipper, mắt cắt HMD, máy in trên màng nhựa, máy ép bao bì, máy tráng. Công suất tăng trên 20%, đạt 200 tấn sản phẩm/tháng. Các sản phẩm bao bì nhựa được sản xuất với công suất lớn hơn và đa dạng mẫu mã chủng loại (túi T-Shirt in nhiều màu, túi T-shirt cuộn, túi Die-cut, túi Flat gấp, túi rúi dây). Công ty mở rộng mạng lưới khách hàng, tiếp cận thêm nhiều thị trường nước ngoài như Nhật Bản, Singapore, Đức, Pháp.
 - Doanh thu năm 2017 Công ty bước đầu có sự đột phá khi đạt mức 143 tỷ đồng.
-

-
- Công ty tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Công ty thực hiện đầu tư nâng cấp lớn, đồng bộ cho toàn nhà máy: lắp đặt thêm hệ thống in 8 màu, máy cắt cuộn, máy sản xuất bao bì nhựa, máy xử lý bề mặt màng nhựa, máy kiểm tra độ bền. Tổng công suất nhà máy lên tới 300 tấn sản phẩm/tháng.
 - **Năm 2019**
 - Với hệ thống khách hàng ổn định tại các thị trường Châu Âu, Mỹ và một số nước Châu Á, doanh thu của Công ty duy trì mức tăng trưởng cao và ổn định qua các năm, đặc biệt doanh thu năm 2019 của Công ty đạt 182 tỷ đồng, đánh dấu mốc phát triển quan trọng khi Công ty lọt vào danh sách 10 doanh nghiệp có doanh thu xuất khẩu cao nhất trong ngành bao bì nhựa tại miền Bắc.

 - Công ty đầu tư thêm dàn máy in ống đồng 10 màu, máy trộn hạt nhựa, máy hạt tạo, dây chuyền tạo hạt, máy thổi 5 lớp hiện đại ... nâng tổng công suất lên 600 tấn/tháng.
 - **Năm 2020**
 - Đứng trước những khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19 đến hoạt động xuất khẩu tại thị trường nước ngoài, hoạt động kinh doanh thương mại hạt nhựa trong nước được Công ty tập trung đẩy mạnh phát triển.

 - Tháng 09/2022, Công ty tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
 - **Năm 2022**
 - Tháng 12/2022: Công ty tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
 - Trong năm, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang, tương ứng sở hữu 45,71% vốn điều lệ của CTCP Nhựa Tân Quang.

 - Công ty tập trung đầu tư quảng bá, đẩy mạnh chiến lược marketing và phát triển hệ thống bán hàng nước ngoài nhằm tăng khả năng tiếp cận tệp khách hàng mới, từ đó nâng cao năng lực cho đội ngũ bán hàng và gia tăng doanh thu cho Công ty. Một số thị trường mới được Công ty khai thác như thị trường Châu Phi, Trung Đông cũng đóng góp đáng kể vào doanh thu từ hoạt động sản xuất bao bì nhựa của Công ty.
 - **Năm 2023**
 - Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành cùng những thế mạnh về năng lực sản xuất và giá thành cạnh tranh, Ban Lãnh đạo ECO PLASTIC và toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên toàn Công ty đã hoàn thành 98% kế hoạch doanh thu năm 2023 là 276 tỷ đồng, gấp gần 2 lần so với năm 2022.

 - Ngày 12/07/2024, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 4330/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về đăng ký công ty đại chúng.
 - **Năm 2024**
 - Ngày 08/10/2024, cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam chính thức
-

được giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM.

- Tháng 4 năm 2024, Công ty thành lập Chi nhánh Nhà máy sản xuất và chuyển toàn bộ nhà máy sản xuất sang địa điểm mới tại Khu công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô và nâng cao sản lượng của Công ty. Nhà máy sản xuất của Công ty được đặt trên diện tích hơn 1ha bao gồm hơn 6.400 m² nhà xưởng sản xuất, 300 m² nhà văn phòng và các công trình kho hàng khác. Tại đây, Công ty không chỉ đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc hiện đại phục vụ sản xuất, mà còn tập trung thiết lập các tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng quốc tế, phát triển hệ thống quản lý về thực hiện trách nhiệm xã hội, an toàn sức khỏe nghề nghiệp và các cam kết bảo vệ môi trường.
- Trong năm, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam, tương ứng sở hữu 98% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam.

- Nhờ việc đầu tư thêm máy móc thiết bị mới, công suất tối đa của Công ty đã được nâng cấp lên khoảng 950 tấn sản phẩm/tháng. Sản lượng sản xuất tăng hơn 33% trong 06 tháng cuối năm 2025.

- **Năm 2025**
 - Dự án “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa” tại Khu Công nghiệp Phố Nối A mở rộng, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên do Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam là chủ đầu tư đã hoàn thiện xong các thủ tục pháp lý xin cấp phép có liên quan, nhận bàn giao đất và triển khai xây dựng. Hiện tại, nhà máy đã hoàn thiện các hạng mục chính và dự kiến sẽ hoàn thiện và đưa vào vận hành kể từ Quý II năm 2026.
 - Tháng 11/2025, Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn thành đợt chào bán vào tháng 01/2026 là 299 tỷ đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm: (1) Sản xuất và xuất khẩu bao bì nhựa; (2) Kinh doanh thương mại hạt nhựa.

Các sản phẩm của Công ty được sản xuất trên dây chuyền thiết bị hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống kiểm soát chất lượng và quản lý môi trường như Chứng chỉ ISO 9001:2015 do Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) cấp, Chứng chỉ tái chế do Hiệp hội Tiêu chuẩn hóa và Chứng nhận Tây Ban Nha (AENor) cấp. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang hoàn tất các thủ tục để xin cấp Chứng nhận Tiêu chuẩn quốc tế BSCI – Bộ tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh (*dự kiến trong Quý III/2026 Công ty sẽ được cấp chứng nhận*).

2.1. Hoạt động sản xuất và xuất khẩu bao bì nhựa

Các sản phẩm bao bì nhựa của Công ty đang sản xuất bao gồm: bao bì đựng rác, bao bì in nhiều màu, bao bì cuộn, bao bì siêu thị, ... dưới hình thức túi T-shirt (*túi có 2 quai giống hình dạng chiếc áo*

may ô), túi Die-cut (túi cắt khuôn 3 biên hoặc đáy đứng), và túi Flat cuộn (túi có miệng bằng, không quai, dung tích lớn).

Chi tiết các sản phẩm bao bì nhựa của Công ty như sau:

➤ **Túi T-shirt/ T-shirt in/T-shirt cuộn**

Chất liệu: HDPE 6-64 mic
(nguyên chất và tái chế)
LPDE 18-50 mic
MDPE/ LLDPE

Chiều rộng: 100-850 mm

Chiều dài: 120-150 mm

Số màu in: 1-4

Sử dụng: Túi mua sắm, túi đựng hàng tạp hóa, túi đựng rác, v.v.

Năng lực sản xuất: 700 tấn mỗi tháng



➤ **Túi Die-cut (túi cắt khuôn)**

Chất liệu: HDPE 16-30 mic
LDPE 30-40 mic

(nguyên chất hoặc tái chế)

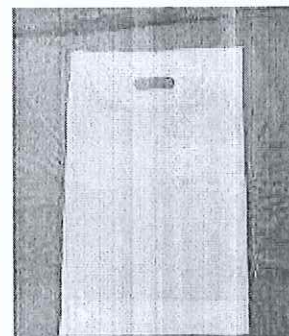
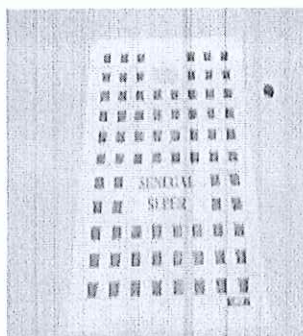
Chiều rộng: 250-500 mm

Chiều dài: 300-800 mm

Số màu in: 1-4

Sử dụng: Siêu thị, cửa hàng bán lẻ, trung tâm mua sắm, cửa hàng tạp hóa, hộ gia đình

Năng lực sản xuất: 100 tấn mỗi tháng



➤ **Túi Flat (túi đựng rác, túi cuộn, túi đựng rác rút dây, túi đựng thực phẩm)**

Chất liệu: HDPE 10-35 mic
LDPE 20-95 mic

(nguyên chất hoặc tái chế, nhựa bền chắc)

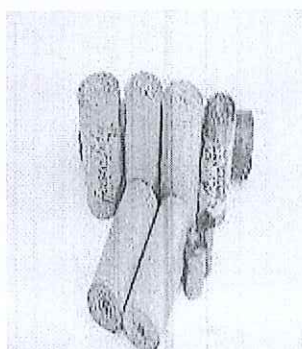
Chiều rộng: 400-1100 mm

Chiều dài: 400-1600 mm

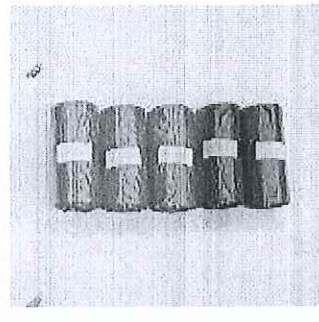
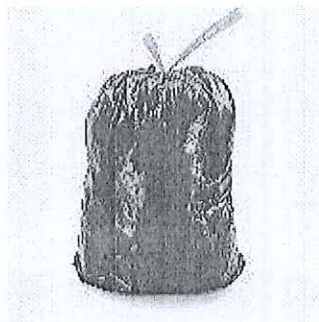
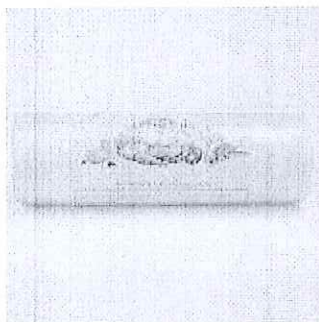
Số màu in: 1-4

Sử dụng: Dùng để đóng gói thực phẩm trong siêu thị, nhà hàng, trường học, bệnh viện

Sử dụng hộ gia đình hàng ngày.



Năng lực sản xuất: 100 – 150 tấn mỗi tháng



Để đảm bảo yếu tố đầu vào ổn định trong quá trình sản xuất, nguồn nguyên liệu hạt nhựa được Công ty ưu tiên lựa chọn, nhập khẩu trực tiếp từ các đơn vị nước ngoài có uy tín và thương hiệu trong ngành. Nguyên vật liệu được kiểm soát chất lượng từ đầu vào, quá trình lưu kho, bảo quản theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và thực hiện theo quy trình quản lý 5S.

Hiện nay, các sản phẩm bao bì nhựa của Công ty chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài, trong đó gần 90% sản phẩm được xuất khẩu sang thị trường Châu Âu (Pháp, Hà Lan, Anh, Ý, Đức), các thị trường khác như Mỹ, Úc, một số nước Châu Á (Nhật, Singapore, Hồng Kông) và một số nước Châu Phi chiếm trên 10%. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan năm 2023 - 2024, ECO PLASTIC nằm trong danh sách 10 nhà sản xuất và xuất khẩu bao bì nhựa có doanh thu xuất khẩu cao nhất tại miền Bắc.

2.2. Hoạt động kinh doanh thương mại hạt nhựa

Hạt nhựa là nguyên liệu được sử dụng chính trong ngành sản xuất bao bì ngoài các vật liệu như giấy, thủy tinh và kim loại. Các loại hạt nhựa dùng để sản xuất bao bì là một sản phẩm được tạo thành từ một số quá trình xử lý công nghiệp khác nhau từ dầu thô.

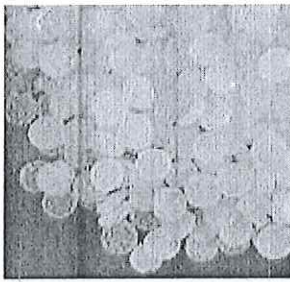
Trên thị trường hiện nay, bao bì làm từ nhựa được sử dụng rộng rãi nhờ tính năng tiện dụng và giá thành rẻ. Mỗi loại bao bì được sản xuất bởi loại hạt nhựa khác nhau, chúng mang những đặc tính riêng biệt để phù hợp với sản phẩm bên trong.

Công ty triển khai hoạt động kinh doanh thương mại hạt nhựa nguyên sinh và hạt nhựa tái sinh. Cụ thể như sau:

Hạt nhựa nguyên sinh (hạt nhựa HDPE, hạt nhựa LDPE, hạt nhựa LLDPE): là loại hạt nhựa được sản xuất hoàn toàn nguyên chất, không pha tạp, không chứa phụ gia từ quá trình xử lý, chúng cắt phân đoạn đầu mỏ. Hạt nhựa nguyên sinh rất dễ nhận ra vì chúng trong suốt, không màu. Bao bì được làm từ nhựa nguyên sinh có tính dẻo dai cao, chịu lực tốt, tính thẩm mỹ cao do bề mặt bóng mịn, màu sắc tươi sáng.

[Hết nội dung tại trang này]

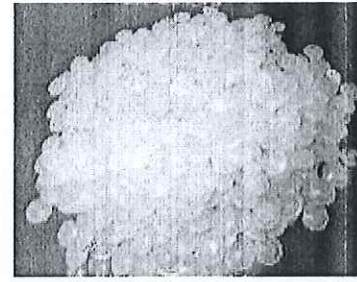
Hạt nhựa HDPE



Hạt nhựa LDPE



Hạt nhựa LLDPE

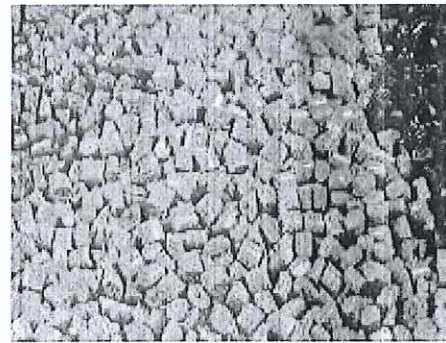


- Được thị trường ưa chuộng bởi độ dẻo dai, chịu lực tốt
- Được dùng để sản xuất bao bì PE

- Có mật độ polyethylene thấp hơn HDPE
- Có độ bền, độ dẻo cao và không phản ứng với các hóa chất khác gây độc hại nên đảm bảo an toàn cho người sử dụng

- Độ bền cao hơn LDPE và ngang với HDPE và độ cứng lại thấp hơn HDPE
- Đặc tính linh hoạt, dễ tạo ra các loại hơn so với LDPE nên tiết kiệm vật liệu và chi phí giá thành sản phẩm cũng giảm

Hạt nhựa tái sinh (hạt tạo LD, hạt tạo HD, hạt tím): loại hạt nhựa này được sản xuất từ sản phẩm nhựa đã qua sử dụng, trải qua quá trình thu gom, phân loại, xử lý và được nung chảy thành sợi hoặc hạt để trở lại làm nguyên liệu sản xuất nhựa. Do độ tinh khiết sẽ giảm dần sau nhiều lần tái chế, chính vì thế hạt nhựa tái sinh sẽ được phân loại ra nhiều màu khác nhau. Bao bì nhựa tái sinh có độ dẻo dai, chịu lực và tính thẩm mỹ kém hơn bao bì nhựa nguyên sinh, tuy nhiên nó có giá thành rẻ hơn nhựa nguyên sinh nên được sử dụng rất nhiều trong cuộc sống.



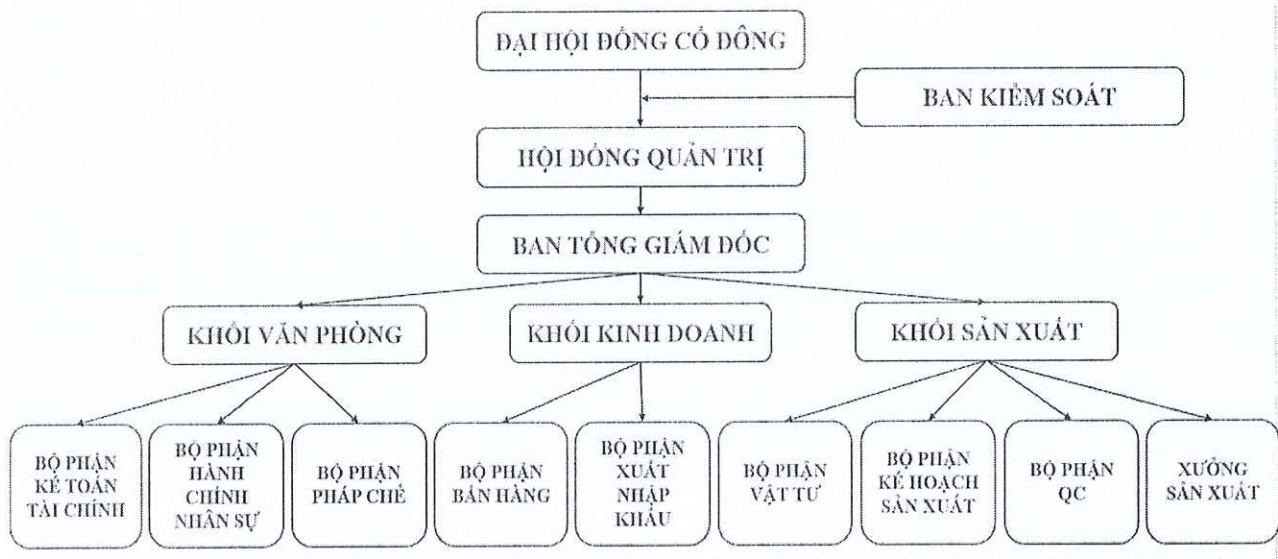
Công ty luôn chủ động theo dõi biến động thị trường và lên kế hoạch nhập hàng bám sát với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và mang lại hiệu quả kinh tế. Nguồn cung cấp hạt nhựa thương mại của Công ty chủ yếu từ các nước khu vực Trung Đông và Hàn Quốc, Mỹ - những nước có trữ lượng dầu mỏ, khí ga tự nhiên lớn trên thế giới là nguyên liệu đầu vào sản xuất hạt nhựa.

Việc tìm kiếm được các nguồn cung cấp nguyên vật liệu chất lượng với giá thành cạnh tranh từ nước ngoài và lợi thế đội ngũ cán bộ có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, ECO PLASTIC đã nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường kinh doanh trong nước và trở thành một trong những đơn vị kinh doanh thương mại hạt nhựa có uy tín tại Việt Nam. Hạt nhựa thương mại của Công ty trong những năm gần đây chủ yếu được phân phối trực tiếp cho các đơn vị sản xuất cùng ngành tại các tỉnh miền Bắc, nhằm giảm thiểu chi phí vận chuyển và tối ưu nguồn lực phát triển thị trường. Doanh thu từ hoạt động thương mại hạt nhựa chiếm tỷ trọng từ 30% đến 50% trên tổng doanh thu thuần của Công ty kể từ năm 2020 đến nay.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

3.1. Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam



➤ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định phương hướng phát triển của Công ty; thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền hạn và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

➤ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền quyết định kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty như sau:

| STT | Họ tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|---|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Bình | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Ông Nguyễn Đình Tuấn | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 3 | Ông Đào Quốc Hùng | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Ông Nguyễn Tôn Việt | Thành viên HĐQT độc lập |
| 5 | Ông Nguyễn Hữu Dương | Thành viên HĐQT (<i>Xin từ nhiệm kể từ ngày 15/07/2025</i>) |

➤ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và ĐHĐCĐ về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Ban Kiểm soát bao gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động không quá 05 năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty như sau:

| STT | Họ tên | Chức vụ |
|-----|------------------|--------------------------|
| 1 | Nguyễn Thu Hằng | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 | Trần Ngọc Phương | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3 | Đỗ Thị Duyên | Thành viên Ban Kiểm soát |

➤ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Hiện tại, Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Phó Tổng Giám đốc có nhiệm vụ giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo sự phân công phụ trách chuyên biệt. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc hiện nay của Công ty là những người có nhiều kinh nghiệm quản lý và điều hành trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh ngành bao bì nhựa.

Ban Tổng Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp của Công ty gồm có:

| STT | Họ tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|--|
| 1 | Ông Nguyễn Đình Tuấn | Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT |
| 2 | Ông Đào Quốc Hùng | Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT |
| 3 | Bà Lê Thị Thủy | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Bà Trần Thị Việt Hoa | Kế toán trưởng |

➤ **Khối văn phòng**

✦ **Bộ phận Kế toán – Tài chính**

Bộ phận Kế toán – Tài chính là bộ phận chịu trách nhiệm chính về công tác quản lý tài chính, kế toán, thống kê, thông tin kinh tế của Công ty theo các quy chế phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán; tham mưu cho Ban Lãnh đạo và phối hợp với các bộ phận chức năng kiểm soát các chi phí phát sinh; cân đối và lập kế hoạch thu chi; tham mưu cho Ban Lãnh đạo trong việc tuân thủ và vận dụng các quy định pháp luật về kế toán - tài chính.

✦ **Bộ phận Hành chính – Nhân sự**

Bộ phận Hành chính – Nhân sự là bộ phận thực hiện các chức năng quản lý công tác tổ chức, công tác hành chính, quản lý nhân sự và lao động tiền lương. Bộ phận Hành chính – Nhân sự chịu trách nhiệm về công tác nhân sự, lao động tiền lương, tham mưu và tổ chức thực hiện các quy chế

quản lý nội bộ và các chính sách đối với người lao động; công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, công tác hành chính, quản trị; công tác thi đua khen thưởng; công tác đoàn thể; quản lý và lưu trữ các văn bản hành chính; triển khai thực hiện và quản lý các công tác liên quan đến tổ chức hoạt động văn phòng, tạp vụ, lưu trữ văn thư, và chăm sóc sức khỏe cho người lao động của Công ty.

✦ *Bộ phận Pháp chế*

Bộ phận Pháp chế là bộ phận có trách nhiệm đảm bảo các hoạt động của Công ty được diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành. Bộ phận Pháp chế hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan thực hiện các nhiệm vụ như: tham gia đàm phán, thương thảo các hợp đồng của Công ty với các đối tác trong kinh doanh; thẩm định các hợp đồng hợp tác, các dự án đầu tư để đảm bảo không trái quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tránh những sơ hở, sai sót có thể dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty.

➤ **Khối kinh doanh**

✦ *Bộ phận bán hàng*

Bộ phận bán hàng chịu trách nhiệm tổ chức kinh doanh; tìm kiếm các khách hàng, đối tác quốc tế tiềm năng, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước; chăm sóc các đối tác, khách hàng thân thiết; xây dựng và tổ chức triển khai các hoạt động tiếp thị và truyền thông nhằm tiếp cận được những khách hàng và thị trường mới; tiếp nhận phản hồi của các khách hàng về chất lượng sản phẩm; phối hợp với các bộ phận khác trong Công ty để quản lý công tác nhập xuất hàng hóa và nghiên cứu các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng đặc biệt là những khách hàng tại các thị trường “khó tính” như Nhật Bản, Châu Âu.

✦ *Bộ phận xuất nhập khẩu*

Bộ phận xuất nhập khẩu có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát, điều phối toàn bộ quá trình cung ứng của Công ty như: sắp xếp vận chuyển; theo dõi tình trạng đơn hàng; thực hiện các thủ tục hải quan; lập và triển khai các kế hoạch nhận hàng, xuất hàng nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất và yêu cầu của khách hàng;..... Đồng thời, bộ phận xuất nhập khẩu có nhiệm vụ kết hợp với các bộ phận liên quan để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng nhằm mang đến các sản phẩm tốt nhất cho khách hàng.

➤ **Khối sản xuất**

✦ *Bộ phận vật tư*

Bộ phận vật tư có trách nhiệm tìm kiếm các nhà cung cấp vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất; đàm phán giá cả với các nhà cung cấp để có được mức giá nguyên vật liệu đầu vào hợp lý dựa theo giá cả thị trường; tiếp nhận nhu cầu mua hàng của các bộ phận liên quan và tiến hành gửi đơn đặt hàng cho các nhà cung cấp; thực hiện soạn thảo hợp đồng mua bán, hợp đồng nguyên tắc; theo dõi tiến độ giao hàng của nhà cung cấp để đáp ứng lịch sản xuất của các nhà máy, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh về hàng hóa với các nhà cung cấp như các vấn đề liên quan đến chất lượng, tiến độ giao hàng,... để đảm bảo việc sản xuất được thông suốt.

✦ *Bộ phận kế hoạch sản xuất*

Bộ phận kế hoạch sản xuất có trách nhiệm lên kế hoạch về khối lượng nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, máy móc thiết bị, thời gian thực hiện đơn hàng,... ngay sau khi nhận được thông tin đơn đặt hàng từ khối kinh doanh. Đồng thời, bộ phận kế hoạch sản xuất cũng có trách nhiệm phối hợp với khối kinh doanh để đưa ra báo giá tốt nhất đối với từng đơn đặt hàng của khách hàng; phối hợp với bộ phận vật tư kiểm soát số lượng, chất lượng nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất; phối hợp với xưởng sản xuất để đảm bảo tiến độ thực hiện đơn hàng.

✦ **Bộ phận Kiểm soát chất lượng (Bộ phận QC)**

Là bộ phận phụ trách việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất kho nhằm đảm bảo các sản phẩm của Công ty luôn đạt tiêu chuẩn do khách hàng đề ra. Kết hợp với các Phòng/ ban liên quan xây dựng, áp dụng vận hành và cải tiến Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015, SA 8000, HACCP vào trong Công ty một cách phù hợp, hiệu quả. Nhận và kết hợp với Bộ phận bán hàng xử lý và giải đáp các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng liên quan đến chất lượng sản phẩm. Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các hành động khắc phục, phòng ngừa, cải tiến trong hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm.

✦ **Xưởng sản xuất**

Xưởng sản xuất là đơn vị chịu trách nhiệm nhận kế hoạch sản xuất căn cứ kế hoạch tổng thể theo yêu cầu và tổ chức công việc theo đúng quy trình công nghệ, đơn đặt hàng, và kế hoạch sản xuất được giao, đảm bảo chất lượng, năng suất đúng tiến độ; Cân đối năng lực sản xuất, chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao hệ số khai thác, sử dụng máy móc và nguồn nhân lực sản xuất; Chỉ đạo việc xây dựng, duy trì việc thực hiện các quy trình sản xuất, quy trình quản lý chất lượng sản phẩm, các quy trình thực hiện công việc; Chỉ đạo các vấn đề liên quan đến kỹ thuật sản phẩm; Chỉ đạo việc xây dựng định mức nhân công, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, định mức tiêu hao khác trong sản xuất. Ngoài ra, các kỹ sư cơ điện trực thuộc Xưởng sản xuất chịu trách nhiệm vận hành, bảo trì và nâng cấp các công cụ, động cơ, máy móc, dây chuyền sản xuất trong nhà máy để đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, an toàn giúp quá trình sản xuất tiến hành theo đúng kế hoạch đề ra.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

➤ **Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam (Công ty con)**

- Địa chỉ: Lô CN1, đường G6, Khu công nghiệp Phố Nối A mở rộng, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0901172036
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bao bì nhựa và kinh doanh thương mại hạt nhựa
- Tỷ lệ sở hữu của ECO: Tính đến thời điểm ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam sở hữu 98% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam.

➤ **Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang (Công ty liên kết)**

- Địa chỉ: Thôn Chí Trung, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0901125195

- Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại hạt nhựa
- Tỷ lệ sở hữu của ECO PLASTIC: Tính đến thời điểm ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam sở hữu 45,71% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Giữ vững và mở rộng thị phần của Công ty trên toàn cầu thông qua việc dẫn đầu chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, tối ưu chi phí sản xuất.
- Trở thành thương hiệu Top đầu trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa tại thị trường Việt Nam.
- Đảm bảo minh bạch, hiệu quả, thận trọng về tài chính, bảo vệ lợi ích cho cổ đông;
- Hòa hòa giữa hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Nâng cấp hệ thống sản xuất và kiểm soát chất lượng để đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đạt chất lượng cao nhất, không chỉ đáp ứng tốt các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia mà còn đạt các tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng được tiêu chuẩn của những thị trường khó tính nhất.
- Tổ chức điều hành sản xuất và quản lý sản xuất một cách khoa học và không ngừng đổi mới cải tiến hợp lý hóa sản xuất;
- Chủ động đảm bảo nguyên liệu vật liệu, quản lý chặt chẽ các định mức sản xuất, và nâng dần chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Tìm kiếm mở rộng thị trường mới trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm “bao bì xanh” – sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, các vật liệu sinh học và có khả năng tự hủy;
- Duy trì các chương trình đào tạo thường xuyên cho cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao năng lực tay nghề và năng lực chuyên môn;
- Phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, tạo môi trường làm việc gắn kết.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- ECO luôn đảm bảo tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận từ đó hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, góp phần phát triển kinh tế xã hội, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.
- Kể từ khi thành lập, ECO đã và đang duy trì công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người dân trên địa bàn và các tỉnh lân cận, góp phần vào công tác an sinh xã hội. Đồng thời ECO cũng chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội văn minh.

Ngoài ra, hàng năm ECO luôn tổ chức và tài trợ các chương trình hoạt động cộng đồng, từ thiện, san sẻ khó khăn,....

- ECO là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa, bản thân các sản phẩm nhựa truyền thống đã gây ra những quan ngại về vấn đề môi trường. Ý thức được điều đó, ECO đã chú trọng đầu tư vào hệ thống xử lý rác thải, cải tiến dây chuyền và quy trình sản xuất để hạn chế năng lượng tiêu thụ và phế liệu. Đồng thời, khuôn viên nhà máy được quy hoạch với không gian xanh rộng rãi, phong trào tiết kiệm năng lượng được phát động và hưởng ứng bởi tất cả các cán bộ công nhân viên trong công ty.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,.... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam nói riêng.

5.1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ, đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực.

Theo Cục Thống kê, GDP năm 2025 của Việt Nam ước tăng 8,02% so với năm trước, một trong những mức tăng trưởng cao hàng đầu thế giới. Bình quân giai đoạn 2021–2025, tăng trưởng đạt khoảng 6,3%, cao hơn giai đoạn trước. Quy mô GDP năm 2025 theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt hơn 12,8 triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 514 tỷ USD, tăng 5 bậc, vươn lên vị trí thứ 32 thế giới. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD, gấp 1,4 lần năm 2020, đưa Việt Nam vào nhóm nước có thu nhập trung bình cao, vượt mục tiêu đề ra.

Kết quả tích cực trong tăng trưởng kinh tế năm 2025 là tiền đề quan trọng để nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng tốc, bứt phá trong năm 2026. Song hành với sự phát triển kinh tế là sự tăng trưởng nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm nói chung, các sản phẩm bao bì nhựa nói riêng, qua đó tăng nhu cầu tiêu thụ đối với sản phẩm do Công ty cung cấp. Do đó, Ban Lãnh đạo Công ty luôn cập nhật tình hình kinh tế - xã hội vĩ mô nhằm xây dựng và hoạch định chiến lược kinh doanh của Công ty cho phù hợp, bảo đảm tốc độ tăng trưởng hàng năm.

5.1.2. Lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp nói riêng. Lạm phát tăng khiến cho chi phí đầu vào tăng cao làm giảm lợi nhuận; đồng thời người tiêu dùng cũng tiết giảm chi phí, giảm tiêu thụ các mặt hàng do ECO PLASTIC sản xuất, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của ECO PLASTIC sẽ bị giảm sút. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm lạm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Theo số liệu của GSO, trong những năm gần đây Việt Nam kiểm soát lạm phát khá tốt khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam trong giai đoạn năm 2022 – 2024 chỉ tăng tương ứng 3,15%, 3,25% và 3,63% so với cùng kỳ năm trước, trong bối cảnh kinh tế trong nước cũng như toàn cầu gặp rất nhiều khó khăn, thử thách. CPI bình quân 2025 tăng 3,31% so với năm trước đó, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%). Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong nước, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế trong năm 2026. Với sự quyết tâm, sát sao chỉ đạo của Chính Phủ cùng với các chính sách phù hợp, lạm phát trong nước đã dần hạ nhiệt và tiếp tục được kiểm soát tốt, giúp giảm áp lực đáng kể lên mặt bằng giá, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và ECO PLASTIC nói riêng.

Tuy nhiên để chủ động trong việc kiểm soát tác động rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường ngành nhựa, kiểm soát các yếu tố đầu vào và tìm kiếm các nhà cung cấp bình ổn giá.

5.1.3. Lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp. Mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành và phụ thuộc vào cơ cấu nợ vay của mỗi doanh nghiệp. Lãi suất thấp là điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong khi mức lãi cao, ngoài việc cản trở nhu cầu vay vốn để đầu tư dự án, sản xuất kinh doanh, còn gia tăng chi phí tài chính, tạo ra rủi ro đòn bẩy với doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2025, ECO PLASTIC có sử dụng vốn vay của các tổ chức tín dụng, và các khoản vay cá nhân. Tổng nợ phải trả của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất tính đến ngày 31/12/2025 là 205,8 tỷ đồng. Theo đó, hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty là 46,2%, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 85,9%. Cơ cấu nợ chủ yếu là các khoản vay và nợ tài chính nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, mua sắm máy móc thiết bị và đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất số 2 của Công ty. Do vậy những biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất, Ban Lãnh đạo ECO PLASTIC luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng các giải pháp tài chính phù hợp, tìm kiếm các nguồn tài trợ có chi phí vốn thấp, đồng thời huy động vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.1.4. Rủi ro về tỷ giá

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ. Biến động tỷ giá có thể làm tăng chi phí tài chính do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sử dụng ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu đầu vào, máy móc thiết bị. Mặc dù thị trường ngoại hối Việt Nam nhìn chung được điều hành linh hoạt và có sự can thiệp kịp thời từ Ngân hàng Nhà nước nhằm hạn chế biến động (do quan hệ cung cầu cơ bản ổn, thanh khoản thị trường tương đối dồi dào, dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng, v.v) nhưng những biến động mạnh trên thị trường ngoại hối quốc tế có tác động nhất định tới tỷ giá USD/VND.

Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Tuy nhiên, nhìn chung công tác quản lý tỷ giá là một vấn đề khó khăn và đôi khi tỷ giá biến động trái chiều với ý muốn chủ quan của các nhà quản lý. Tính đến ngày 31/12/2025, tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) do Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 1 USD = 25.121 VND.

Là doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào và xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài thường xuyên, hoạt động của Công ty trực tiếp bị ảnh hưởng bởi các biến động của lãi suất do đó ECO PLASTIC đã áp dụng nhiều biện pháp để hạn chế đến mức tối đa rủi ro tỷ giá bằng cách (1) linh hoạt các khoản vay theo từng thời kỳ lãi suất; (2) chủ động trong việc ký kết hợp đồng dài hạn, linh động đàm phán về giá và phương thức thanh toán theo từng đơn đặt hàng; (3) cân đối nguồn ngoại tệ dự trữ tại doanh nghiệp, phù hợp với từng giai đoạn mua bán hàng hóa của Công ty.

5.2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của các thay đổi trong hệ thống pháp luật, các văn bản pháp luật, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh liên quan đến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Bên cạnh đó, là một doanh nghiệp xuất khẩu nên Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của pháp luật của các nước nhập khẩu hàng hóa của Công ty.

Công ty thường xuyên cập nhật các chính sách, quy định mới của pháp luật liên quan đến xuất nhập khẩu, thị trường ngành nhựa và các lĩnh vực liên quan, bảo đảm việc phổ biến các chính sách, quy định mới của pháp luật cho tất cả các đơn vị, bộ phận trong Công-ty. Đồng thời, Ban Lãnh đạo Công ty luôn chú trọng xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực, tuân thủ các quy định của pháp luật, và kịp thời đưa ra chiến lược và kế hoạch ứng phó phù hợp để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro. Nhờ đó, những rủi ro luật pháp được hạn chế tối đa tại ECO PLASTIC.

5.3. Rủi ro về đặc thù ngành

Hiện nay, ngành nghề chính của ECO là sản xuất bao bì nhựa. Do đó, tình hình hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố đặc thù của lĩnh vực mà Công ty đang tham gia hoạt động.

5.3.1. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ khả năng Công ty không đáp ứng đúng hạn các nghĩa vụ vay vốn, thanh toán với nhà cung cấp hoặc các đối tác tài chính, ảnh hưởng tiêu cực đến dòng tiền và lợi nhuận. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã và đang duy trì mức tài sản ngắn hạn cao, đạt 323.1 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, cao hơn gấp đôi tổng nợ ngắn hạn, qua đó phản ánh khả năng thanh toán ngắn hạn ở mức tương đối an toàn. Tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên nợ ngắn hạn cho thấy Công ty có cơ sở để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn mà không phải phụ thuộc quá nhiều vào việc vay mới hoặc tái cấp vốn. Ngoài ra, Công ty chú trọng triển khai các biện pháp quản trị rủi ro tài chính một cách chủ động, bao gồm: tăng cường giám sát và kiểm soát dòng tiền, đẩy mạnh thu hồi công nợ phải thu để rút ngắn chu kỳ chuyển đổi tiền mặt, đồng thời tối ưu vòng quay hàng tồn kho nhằm giải phóng nguồn vốn lưu động. Trong bối cảnh thị trường tài chính có nhiều biến động, Công ty cũng đặt trọng tâm vào việc duy trì quan hệ tín dụng chặt chẽ với các ngân hàng đối tác, tìm kiếm các nguồn vốn dự phòng, cũng như nâng cao xếp hạng tín dụng nội bộ, nhằm đảm bảo tính bền vững và ổn định của cơ cấu tài chính trong dài hạn.

5.3.2. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động của Công ty phát sinh từ đặc thù sản xuất hạt nhựa và bao bì nhựa với chuỗi quy trình gồm thu mua nguyên liệu, vận hành máy móc, kiểm soát chất lượng và giao hàng. Các rủi ro có thể đến từ việc quy trình nội bộ chưa đầy đủ hoặc thiếu cập nhật, sai sót trong vận hành, phụ thuộc vào tay nghề người lao động, cũng như sự cố hệ thống máy móc hoặc gián đoạn công nghệ. Những yếu tố này có thể dẫn đến sản phẩm lỗi, gián đoạn sản xuất, tăng tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu, chậm tiến độ giao hàng hoặc vi phạm tiêu chuẩn chất lượng và môi trường, từ đó gây tổn thất tài chính (chi phí sản xuất, bồi thường, mất doanh thu) và phi tài chính (uy tín, quan hệ khách hàng, rủi ro pháp lý). Để hạn chế rủi ro, Công ty đang từng bước chuẩn hóa và thường xuyên rà soát quy trình vận hành, tăng cường hệ thống kiểm soát chất lượng, đầu tư bảo trì, nâng cấp máy móc, ứng dụng công nghệ quản lý sản xuất, đồng thời đào tạo và giám sát nhân sự. Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, dự phòng nguyên vật liệu, đa dạng hóa nhà cung cấp và tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn môi trường cũng là các giải pháp quan trọng nhằm đảm bảo hoạt động ổn định và bền vững.

5.3.3. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu nhập khẩu

Nguyên vật liệu đầu vào của ngành bao bì nhựa chủ yếu là nhựa nguyên sinh. Tuy nhiên năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa của ngành nhựa Việt Nam chưa phát triển tương xứng với quy mô và nhu cầu, vì thế nguồn cung trong nước không đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ. Do đó, đặc thù của ngành nhựa Việt Nam là nguyên liệu nhựa nguyên sinh phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu từ nước ngoài. Theo thống kê từ Hiệp hội Nhựa Việt Nam, nguồn cung nguyên phụ liệu ngành nhựa trong nước hiện nay chỉ đáp ứng được khoảng hơn 15% nhu cầu, còn lại gần 85% phải nhập khẩu. Thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam bao gồm: Ả rập Xê út, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Indonesia, Ấn Độ, v.v.

Tình trạng nhập siêu nguyên liệu ngành nhựa ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, do phụ thuộc nguồn cung, giá cả biến động trên thế giới. Giá

nhập khẩu nguyên liệu nhựa phụ thuộc vào giá dầu, khí thiên nhiên, than đá trên thế giới; khi có sự thay đổi của những yếu tố này sẽ tác động trực tiếp đến giá nguyên liệu đầu vào. ECO PLASTIC nhập khẩu 90% - 95% nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất, chi phí nguyên liệu chiếm đến 90% giá thành sản phẩm nhựa. Vì thế doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa như CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam đứng trước nhiều thách thức và rủi ro về lợi nhuận khi giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, nhưng doanh nghiệp lại khó có thể điều chỉnh giá bán ra tăng tương ứng cùng thời điểm vì các hợp đồng đã ký trước với khách hàng.

Để giảm thiểu tối đa rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào, bộ phận kế hoạch vật tư của Công ty luôn phải bám sát thị trường, chủ động lên kế hoạch và đưa ra phương án nhập hàng tối ưu, đảm bảo cung ứng kịp thời và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời giảm thiểu rủi ro biến động giá, giảm tích trữ hàng tồn kho nhằm kiểm soát chi phí đầu vào tốt hơn cho Công ty.

5.3.4. Rủi ro về cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành

Theo số liệu từ Tổng Cục thống kê, tính trên cả nước hiện có khoảng gần 4.000 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động, trong đó số lượng các doanh nghiệp nội vẫn đang chiếm gần 85%. Theo báo cáo của Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA), các doanh nghiệp sản xuất trong ngành nhựa bao bì chiếm tỷ trọng lớn nhất với 38% (tương đương hơn 1.500 doanh nghiệp), đóng góp 66% vào giá trị xuất khẩu nhựa hàng năm của Việt Nam. Có thể nói lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa trong nước có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, khi số lượng các doanh nghiệp mới gia nhập ngành tăng nhanh, nhưng sự khác biệt về sản phẩm không lớn và vòng đời sản phẩm tương đối ngắn.

Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành sản xuất bao bì nhựa đòi hỏi các doanh nghiệp phải tìm các hướng đi mới, sáng tạo để tồn tại và phát triển. Với trình độ công nghệ sản xuất hiện đại và ưu điểm sản phẩm chất lượng cao, Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam đã khẳng định uy tín lâu năm trong ngành với các đối tác nước ngoài. Sản phẩm của Công ty được kiểm nghiệm chất lượng tại các thị trường nước ngoài, và có khả năng cạnh tranh cao với các nhà sản xuất từ các nước khác.

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng đầu tư nghiên cứu, cải tiến công nghệ sản xuất nhằm bắt kịp xu thế “bao bì xanh” - sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện môi trường, các vật liệu sinh học và có khả năng tự phân hủy – giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phù hợp với thị hiếu và chính sách khuyến khích của các nước phát triển, gia tăng tiềm năng phát triển của Công ty.

5.4. Rủi ro quản trị công ty

Theo số liệu từ Tổng Cục thống kê, tính trên cả nước hiện có khoảng gần 4.000 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động, trong đó số lượng các doanh nghiệp nội vẫn đang chiếm gần 85%. Theo báo cáo của Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA), các doanh nghiệp sản xuất trong ngành nhựa bao bì chiếm tỷ trọng lớn nhất với 38% (tương đương hơn 1.500 doanh nghiệp), đóng góp 66% vào giá trị xuất khẩu nhựa hàng năm của Việt Nam. Có thể nói lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa trong nước có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, khi số lượng các doanh nghiệp mới gia nhập ngành tăng nhanh, nhưng sự khác biệt về sản phẩm không lớn và vòng đời sản phẩm tương đối ngắn.

Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành sản xuất bao bì nhựa đòi hỏi các doanh nghiệp phải tìm các hướng đi mới, sáng tạo để tồn tại và phát triển. Với trình độ công nghệ sản xuất hiện đại và ưu điểm sản phẩm chất lượng cao, Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam đã khẳng định uy tín lâu năm trong ngành với các đối tác nước ngoài. Sản phẩm của Công ty được kiểm nghiệm chất lượng tại các thị trường nước ngoài, và có khả năng cạnh tranh cao với các nhà sản xuất từ các nước khác.

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng đầu tư nghiên cứu, cải tiến công nghệ sản xuất nhằm bắt kịp xu thế “bao bì xanh” - sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện môi trường, các vật liệu sinh học và có khả năng tự phân hủy – giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phù hợp với thị hiếu và chính sách khuyến khích của các nước phát triển, gia tăng tiềm năng phát triển của Công ty.

5.5. *Rủi ro về môi trường*

Các loại chất thải rắn, nước thải sản xuất, khí thải từ sử dụng nhiên liệu,... phát sinh trong quá trình sản xuất đều được Công ty kiểm tra, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, tuân thủ các quy định của Nhà nước và quy định nội bộ để tránh/giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

5.6. *Rủi ro bất khả kháng*

Các doanh nghiệp trên thị trường nói chung và ECO nói riêng đều bị tác động bởi những rủi ro bất khả kháng như: hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh,..... Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy v.v, đồng thời, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu và tham gia mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản của Công ty như hàng hóa, nhà xưởng, phương tiện vận tải và bảo hiểm con người.

[Hết nội dung tại trang này]

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025

| Chỉ tiêu | Năm 2025 (Tỷ đồng) | Năm 2024 (Tỷ đồng) | % tăng giảm |
|---|-----------------------|-----------------------|----------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 467,98 | 454,28 | 2,92% |
| Giá vốn hàng bán | 428,94 | 424,16 | 1,13% |
| Chi phí tài chính | 16 | 7,57 | 111,36% |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 9,92 | 2,44 | 306,56% |
| Chi phí bán hàng | 9,95 | 7,72 | 28,89% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 7,55 | 6,26 | 20,61% |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 38,38 | 29,89 | 28,40% |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 16,84 | 16,99 | -0,94% |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 17,39 | 17,77 | -2,14% |
| LNST thu nhập doanh nghiệp | 13,21 | 14,11 | -6,38% |
| LNST của cổ đông công ty mẹ | 13,27 | 14,11 | -5,95% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam)

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2025 đạt 467,398 tỷ đồng, tăng 13,7 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 2,9% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2025 đạt 13,27 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2024. Một trong những nỗ lực góp phần giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt trong năm 2025 là nhờ việc thường xuyên nghiên cứu cải tiến công nghệ, phát huy năng suất lao động, nghiên cứu đưa ra các công thức sản xuất mới giúp hạ giá thành sản phẩm song vẫn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, nâng cao hiệu quả và tính cạnh tranh. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế tại BCTC Hợp nhất của Công ty năm 2025 giảm gần 7% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do phát sinh chi phí tại Công ty con trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà máy sản xuất tại Hưng Yên trong năm 2025.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2025 (Tỷ đồng) | Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng) | % Hoàn thành kế hoạch năm 2025 |
|--|-----------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|
| Doanh thu thuần | 500 | 467,96 | 93,60% |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 15,5 | 13,21 | 85,23% |

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2025 đều lần lượt đạt 93,6% và 85,23% so với kế hoạch đề ra, cho thấy sự nỗ lực của Ban lãnh đạo trong việc cải tổ công tác quản lý vận hành doanh nghiệp và quyết tâm hướng đến mục tiêu tăng trưởng của Công ty..

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

| Thành viên | Lý lịch tóm tắt | Tỷ lệ sở hữu |
|--|---|--------------|
| Nguyễn Đình Tuấn Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT | Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ • 2018 - 07/2022: Giám đốc Kinh doanh - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam • 07/2022 - 01/2023: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam • 01/2023 - Nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam • T10/2024 - Nay: Thành viên HĐQT – CTCP Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam • 07/2025 – Nay: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam | 1,5% |
| Đào Quốc Hùng Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT | Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện • 2019 - 2020: Trưởng phòng sản xuất và vật tư – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam • 2021 - 2023: Giám đốc Nhà máy – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam • T1/2023 - Nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam • T9/2024 - Nay: Phó Tổng Giám đốc (phụ trách kỹ thuật, kế hoạch vật tư) – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam • T10/2024 – Nay: Giám đốc - CTCP Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam | 1,5% |
| Lê Thị Thủy Phó Tổng Giám đốc | Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ • 2015 - 2020: Nhân viên kinh doanh – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam • 2021 - 2024: Trưởng phòng kinh doanh – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam • T09/2024 - Nay: Phó Tổng Giám đốc (phụ trách kinh doanh quốc tế) – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam | 0,05% |

| Thành viên | Lý lịch tóm tắt | Tỷ lệ sở hữu |
|--|--|--------------|
| Trần Thị Việt Hoa Kế toán trưởng | Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế • 2009 - 2016: Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tân Đông Dương Hà Nội • 2016 - T1/2023: Kế toán trưởng – Công ty TNHH Xe chuyên dụng Hyundai KPI HY • T2/2023 - Nay: Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam | 0,0025% |

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

- Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Hữu Dương kể từ ngày 15/07/2025.
- Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Đình Tuấn kể từ ngày 15/07/2025.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2025, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 143 người (bao gồm cán bộ nhân viên chính thức và theo thời vụ/công việc). Cơ cấu người lao động trong Công ty như sau:

Cơ cấu lao động của Công ty tính đến ngày 31/12/2025

| Tiêu chí | 31/12/2025 |
|-------------------------------------|------------|
| Phân theo trình độ học vấn | 143 |
| 1. Đại học và trên đại học | 34 |
| 2. Cao đẳng, trung cấp | 21 |
| 3. Lao động phổ thông | 88 |
| Phân theo loại hình lao động | 143 |
| 1. Chính thức | 81 |
| 2. Thời vụ | 62 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam)

2.4. Chính sách đối với người lao động

2.4.1. Chế độ làm việc

➤ Thời gian làm việc:

- ✦ **Đối với công nhân khối sản xuất:** Để đảm bảo đúng tiến độ sản xuất nên công nhân làm việc tại nhà máy theo các ca sản xuất, thông thường từ 8 tiếng đến 12 tiếng mỗi ca.
- ✦ **Đối với nhân viên khối văn phòng:** Nhân viên khối văn phòng làm việc theo giờ hành chính của Công ty: Sáng từ 08 giờ đến 12 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ và làm việc 6 ngày/tuần, nghỉ vào ngày Chủ nhật. Công ty luôn đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định tại nội quy lao động và Bộ luật Lao động. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ ốm đau, thai sản được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

➤ Điều kiện làm việc

Văn phòng làm việc, nhà máy được thiết kế khang trang, thoáng mát. Nhân viên khối văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ công việc như máy tính, phần mềm,.... Công nhân khối sản xuất được trang bị đầy đủ đồng phục và các thiết bị bảo hộ lao động. Ngoài ra, đối với mỗi ca làm việc của công nhân khối sản xuất, Công ty đều hỗ trợ 01 bữa ăn chính và 01 bữa ăn phụ.

2.4.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

➤ Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

➤ Đào tạo

Công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ, công nhân viên luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó để từ đó Công ty sẽ đưa ra kế hoạch đào tạo phù hợp với từng bộ phận, từng công nhân viên. Hàng năm, Công ty đều tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo tại chỗ, đào tạo nội bộ và các chương trình đào tạo từ bên ngoài. Các chương trình đào tạo bao gồm: đào tạo hội nhập, đào tạo nâng cao, đào tạo kỹ năng quản lý, đào tạo phòng chống cháy nổ, đào tạo thực hành,...

2.4.3. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

➤ Chính sách tiền lương

Công ty thực hiện chi trả lương cho cán bộ công nhân viên dựa vào cấp công việc, chức vụ, kỹ năng và trình độ chuyên môn và kết quả thực hiện công việc của từng cá nhân. Lương được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành. Đặc biệt, Công ty có những chính sách lương, thưởng đặc biệt cạnh tranh đối với những nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực có liên quan, vừa để giữ chân cán bộ nhân viên, vừa để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc.

➤ Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty nâng cao hiệu quả làm việc, tăng năng suất lao động, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí, tiết kiệm chi phí cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động kinh doanh của Công ty. Mức thưởng sẽ dựa theo quy chế thưởng hàng năm được Ban Lãnh đạo phê duyệt. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt hoặc bằng hiện vật.

➤ Bảo hiểm và phúc lợi

Bảo hiểm: Công ty thực hiện việc trích nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo đúng quy định tại nội quy lao động và pháp luật hiện hành. Mỗi năm 01 lần, Công ty sẽ tổ chức chương trình khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Phúc lợi: Chính sách phúc lợi của Công ty được xây dựng rất chi tiết và thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung



nhằm tạo mức phúc lợi tốt nhất cho nhân viên, qua đó góp phần tạo động lực, khích lệ nhân viên làm việc hiệu quả hơn, đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Công ty. Công ty luôn có các phần quà bằng tiền mặt hoặc bằng hiện vật cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty vào các dịp Lễ, Tết như: Tết dương lịch, Tết âm lịch, Ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), Ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4), Ngày Quốc tế Lao động (1/5), Quốc Khánh (2/9),... Ngoài ra, Công ty còn có những trợ cấp khác như trợ cấp thăm hỏi khi ốm đau, gia đình có tang, trợ cấp hỗ trợ di chuyển, phụ cấp xăng xe, phụ cấp điện thoại, phụ cấp nhà trọ, phụ cấp chuyên cần,...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Tính đến ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết như sau:

| Dài hạn | Ngày 31/12/2025 | |
|--|-----------------|----------------|
| | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị (VNĐ) |
| Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam | 98% | 98.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang | 45,71% | 32.000.000.000 |

Trong năm 2025, ECO đã thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty con – Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam trong đợt tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam là đơn vị thực hiện dự án “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa” tại Khu công nghiệp Phố Nối A mở rộng, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên với diện tích 11.732m². Nhà máy mới với hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại dự kiến được đưa vào hoạt động trong giai đoạn Quý I/2025. Dự án đầu tư này được kỳ vọng sẽ giúp ECO nâng cao năng suất sản xuất, chất lượng sản phẩm và tăng năng lực cạnh tranh của Công ty.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

| | Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam | Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang |
|----------------------------------|--|--------------------------------|
| Vốn chủ sở hữu (VNĐ) | 97.026.785.692 | 70.083.453.202 |
| Tổng tài sản (VNĐ) | 158.763.154.141 | 75.717.281.299 |
| Nợ phải trả (VNĐ) | 61.763.368.449 | 5.633.828.097 |
| Doanh thu thuần (VNĐ) | 0 | 25.984.826.816 |
| LNST thu nhập doanh nghiệp (VNĐ) | (2.911.380.094) | 57.402.157 |

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2024 | % tăng/giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 445.337.592.053 | 315.200.845.365 | 41,29% |
| Doanh thu thuần | 467.321.599.671 | 454.052.455.516 | 2,92% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 16.839.211.177 | 16.994.674.013 | -0,91% |
| Lợi nhuận khác | 548.923.154 | 778.257.730 | -29,47% |
| Lợi nhuận trước thuế | 17.388.134.331 | 17.772.931.743 | -2,17% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 6%(Dự kiến) | - | - |

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|------|----------|----------|
| A. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| 1. Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | Lần | 2,28 | 2,83 |
| 2. Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,68 | 2,07 |
| B. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 46,21 | 28,81 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 85,88 | 40,47 |
| C. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| 1. Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân | Vòng | 5,59 | 7,74 |
| 2. Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân | Vòng | 1,23 | 1,57 |
| D. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| 1. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 2,83 | 3,11 |
| 2. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân | % | 3,47 | 4,87 |
| 3. Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần | % | 0,04 | 3,74 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần : 29.999.985 cổ phần
- Tổng số cổ phần hiện đang lưu hành : 29.999.985 cổ phần
- Tổng số cổ phần chuyển nhượng tự do : 27.594.190 cổ phần
- Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 2.405.795 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam tại thời điểm ngày 13/01/2026

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông (*) | |
|-------------------------------|---|-------------------|------------------|------------------|--------------------|------------|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Trong nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Cổ đông lớn | 6.000.000 | 20,00 | 1 | 0 | 1 |
| | - Trong nước | 6.000.000 | 20,00 | 1 | 0 | 1 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Công đoàn Công ty | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Trong nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Cổ đông khác | 23.999.985 | 80,00% | 185 | 4 | 181 |
| | - Trong nước | 23.999.985 | 80,00% | 185 | 4 | 181 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG | | 29.999.985 | 100,00% | 186 | 4 | 182 |
| <i>Trong đó: - Trong nước</i> | | <i>29.999.985</i> | <i>100,00%</i> | <i>186</i> | <i>4</i> | <i>182</i> |
| <i>- Nước ngoài</i> | | <i>0</i> | <i>0</i> | <i>0</i> | <i>0</i> | <i>0</i> |

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần vào tháng 03 năm 2015 với số vốn điều lệ là 06 tỷ đồng. Trải qua quá trình phát triển, Công ty đã thực hiện 05 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 299.999.850.000 đồng. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty kể từ thời điểm thành lập đến nay như sau:

| Lần | Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn | VDL tăng thêm (triệu đồng) | VDL sau phát hành (triệu đồng) | Hình thức tăng vốn | Căn cứ pháp lý của đợt phát hành |
|-------|-----------------------------------|----------------------------|--------------------------------|--|---|
| Đầu | Thành lập Công ty | 6.000 | - | - Cổ đông sáng lập góp vốn thành lập | - Giấy CNĐKDN số 0106798702 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/03/2015. - Quyết định số 01/QĐ-NHƯA SINH THÁI của ĐHĐCĐ CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam ngày 14/03/2015; - Quyết định số 03/QĐ-NHƯA SINH THÁI của ĐHĐCĐ CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam ngày 22/06/2015. |
| Lần 1 | 12/2017 | 14.000 | 20.000 | - Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu | - Giấy CNĐKDN số 0106798702 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 11/12/2017; - Quyết định số 02/QĐ/-NHƯA SINH THÁI của ĐHĐCĐ CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam ngày 25/11/2017 |
| Lần 2 | 05/2019 | 30.000 | 50.000 | - Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu | - Giấy CNĐKDN số 0106798702 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 24/05/2019; - Quyết định số 60/QĐ/-STVN của ĐHĐCĐ CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam ngày 17/05/2019. |
| Lần 3 | 09/2022 | 50.000 | 100.000 | - Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu | - Giấy CNĐKDN số 0106798702 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 24/05/2019; - Nghị quyết số 12.09/2022/NQ-ĐHĐCĐ/NST của ĐHĐCĐ CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam ngày 12/09/2022; |

| Lần | Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn | VĐL tăng thêm (triệu đồng) | VĐL sau phát hành (triệu đồng) | Hình thức tăng vốn | Căn cứ pháp lý của đợt phát hành |
|-------|-----------------------------------|----------------------------|--------------------------------|--|--|
| | | | | | - Nghị quyết số 24.09/2022/NQ-HĐQT/NST của HĐQT CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam ngày 24/09/2022. |
| Lần 4 | 12/2022 | 100.000 | 200.000 | - Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu | - Giấy CNĐKDN số 0106798702 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 26/12/2022; - Nghị quyết số 21.11/2022/NQ-ĐHĐCĐ/NST của ĐHĐCĐ CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam ngày 21/11/2022; - Nghị quyết số 23.12/2022/NQ-HĐQT/NST của HĐQT CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam ngày 23/12/2022. |
| Lần 5 | 01/2026 | 99.999 | 299.999 | - Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương thức thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu | - Giấy CNĐKDN số 0106798702 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 28/01/2026; - Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/ECO của ĐHĐCĐ CTCP Nhựa sinh thái Việt Nam ngày 25/04/2025; - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 413/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/11/2025; - Văn bản số 509/UBCK-QLCB về tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/01/2026. |

[Hết nội dung tại trang này]

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

5.5. Các chứng khoán khác

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Nguồn khí thải phát sinh:

➤ **Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu, hàng hóa**

Bao gồm các thành phần: bụi, SO₂, CO, NO₂, HC,... Nồng độ bụi và khí này phát sinh trong môi trường không khí xung quanh nên chủ yếu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT. Vì vậy, bụi và khí thải loại này có tác động không đáng kể đến môi trường khu vực xung quanh nhà xưởng của Công ty.

➤ **Khí thải phát sinh trong công đoạn in**

Quá trình in sử dụng mực và dung môi trong sản xuất bao bì nhựa có công đoạn gia nhiệt, vì vậy quá trình này sẽ phát sinh hơi hóa chất và mực in. Tất cả các khí này được gọi chung là hơi dung môi. Loại hơi khí thải này phát sinh rất nhỏ, không gây ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe của công nhân tại các phân xưởng.

Mặc dù các nguồn khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất của công ty đều nằm trong giới hạn cho phép và không gây ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe của công nhân viên, tuy nhiên Công ty vẫn luôn nỗ lực để giảm thiểu phát thải nhà kính bao gồm:

- Thiết kế nhà xưởng thông thoáng, trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên Công ty;
- Rà soát quá trình sản xuất, không ngừng tối ưu hóa để tăng hiệu quả sử dụng nguyên liệu, giảm lượng phát thải phát sinh.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu chính sử dụng trong sản xuất và đóng gói sản phẩm:

| STT | Nguyên liệu | Đơn vị | Khối lượng |
|-----|------------------|-----------|------------|
| 1 | Hạt nhựa | Tấn/tháng | 500 |
| 2 | Hạt màu, phụ gia | Tấn/tháng | 250 |
| 3 | Dung Môi | Tấn/tháng | 7 |
| 4 | Mực in | Tấn/tháng | 3 |

Nguyên vật liệu chính trong sản xuất của ECO là hạt nhựa – sản phẩm từ tài nguyên không tái tạo. Do đó, Công ty luôn nỗ lực cải tiến trong quy trình sản xuất nhằm giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu. Tỷ lệ phế trong sản xuất của Công ty trong năm 2025 ở mức khoảng 7%. Toàn bộ phế liệu từ quá trình sản xuất đều được Công ty tận dụng để đem lại nguồn doanh thu cho Công ty.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng chính mà ECO sử dụng là năng lượng điện được cung cấp từ các công ty điện lực Quốc gia để vận hành các máy móc thiết bị, hệ thống chiếu sáng để phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty. Lượng điện tiêu thụ hàng năm của ECO là rất lớn nên vấn đề về tiết kiệm năng lượng cũng là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Ban Lãnh đạo Công ty. Chính vì vậy, ECO luôn chú trọng đào tạo nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho cán bộ công nhân viên và có các biện pháp tiết kiệm năng lượng như sau:

- Tính toán, bố trí, lựa chọn công suất thiết bị phù hợp, tránh vận hành thiết bị non tải để giảm hao tổn và cải thiện điều kiện làm việc của thiết bị;
- Bố trí lưới chiếu sáng hợp lý, tập trung các điểm cần thiết, điều chỉnh thời gian chiếu sáng hợp lý theo mùa, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên;
- Xây dựng và ban hành các nội quy sử dụng tiết kiệm điện trong tất cả các bộ phận;
- Thực hiện đúng chế độ kiểm tra, sửa chữa bảo dưỡng định kỳ các máy móc đảm bảo luôn ở trạng thái làm việc tốt.

6.4. Tiêu thụ nước

ECO đã ký kết hợp đồng cung cấp nước sạch với các đơn vị cấp nước cung ứng trên địa bàn. Lượng nước tiêu thụ chủ yếu phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt của người lao động tại Công ty.

Tất cả các thông số nước thải đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Hệ thống xử lý nước thải đều đạt hiệu quả tốt.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

ECO luôn nỗ lực nhằm hạn chế ảnh hưởng tới môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong năm 2025, Công ty không bất kỳ vi phạm pháp luật và sự cố môi trường nào trong quá trình hoạt động sản xuất.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số lao động của Công ty là 143 người (bao gồm cán bộ nhân viên chính thức và theo thời vụ/công việc). Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty trong năm 2025 như sau:

- CBNV Khối Văn phòng và Khối Kinh doanh là 13,75 triệu đồng/người.
- CBNV Khối Sản xuất là 9,5 – 10 triệu đồng/người.

So với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn thì mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là tương đối cạnh tranh, cùng với việc bảo đảm thực hiện các chế độ phúc lợi khác cho cán bộ công nhân viên như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bảo hiểm thất

nghiệp, chế độ phụ cấp tăng ca, lương ngoài giờ, khen thưởng,..... giúp Công ty giữ chân người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao.

Với mục tiêu tạo điều kiện tốt nhất để đội ngũ nhân viên có thể phát huy hết khả năng và sự sáng tạo, Công ty luôn cố gắng để xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, năng động và không ngừng hoàn thiện chính sách nhân sự ngày một tốt hơn. Bên cạnh việc chú trọng đến các chính sách đãi ngộ và chính sách phúc lợi, Ban Lãnh đạo Công ty cùng với bộ phận quản lý nhân sự trực tiếp tham vấn ý kiến của nhân viên và cùng xây dựng các chính sách thăng tiến và chính sách khen thưởng. Các chính sách này được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí: kết quả công việc, những đóng góp cho sự phát triển chung của công ty, hiệu quả hoạt động kinh doanh,... Để khuyến khích tập thể, cá nhân cống hiến và gắn bó lâu dài với công ty, Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ nhân viên chứng minh năng lực, thể hiện kỹ năng quản lý, lãnh đạo, đề xuất các phát kiến cải tiến trong sản xuất và vận hành tại các nhà xưởng.

Bên cạnh đó, với mong muốn thúc đẩy sự phát triển không ngừng của cả tập thể, Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho toàn thể cán bộ nhân viên thuộc mọi vị trí. Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác như: chương trình đào tạo quản trị sản xuất, chương trình đào tạo nâng cao tay nghề,... nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Đồng thời, Công ty còn tổ chức các chương trình đào tạo an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy để nâng cao kiến thức và kỹ năng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. Số giờ đào tạo trung bình của người lao động trong Công ty là 28 giờ/người lao động/năm.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

ECO luôn thấu hiểu rằng sự ủng hộ và tin tưởng của cộng đồng là cơ sở quan trọng để đạt được những thành công cuối cùng. Do đó, Công ty vẫn luôn gắn liền mục tiêu kinh doanh với trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường tại địa bàn hoạt động, đảm bảo an toàn thực phẩm và sức khỏe cho người lao động và cộng đồng, tiết kiệm nhiên liệu, tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, giảm lượng khí thải ra môi trường,... để góp phần bảo vệ môi trường.

Trong năm vừa, toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty cùng nhau tham gia chương trình thiện nguyện tại các bệnh viện tại địa phương, động viên thăm hỏi và tặng quà cho các công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn.

[Hết nội dung tại trang này]



III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện | Kế hoạch | Tỷ lệ Thực hiện/Kế hoạch |
|--------------------|-------------|-----------|----------|--------------------------|
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 467,96 | 500 | 93,60% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 13,21 | 15,5 | 85,23% |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam)

Kết thúc năm 2025, hoạt động kinh doanh chính của Công ty tiếp tục giữ vững vị thế trên thị trường và ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 467,96 tỷ đồng, tăng 2,92.% so với năm trước; Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đạt 13,21 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2024. Hai chỉ tiêu này lần lượt đạt 93,6% và 85,23% kế hoạch kinh doanh đặt ra tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2025.

Từ Tháng 4 năm 2024, Công ty thành lập Chi nhánh Nhà máy sản xuất và chuyển toàn bộ nhà máy sản xuất sang diện tích gần 6.000m² tại địa điểm mới ở Khu công nghiệp Tân Quang, xã Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô và nâng cao sản lượng. Tại đây, trong 2025 Công ty tiếp tục đầu tư mua sắm bổ sung các máy móc sản xuất chuyên dụng và hiện đại, đáp ứng các yêu cầu cao hơn về chất lượng, mẫu mã sản phẩm của nhiều đối tượng khách hàng, đồng thời thỏa mãn các điều kiện nghiêm ngặt về tiêu chuẩn sản xuất của nước ngoài như Chứng chỉ Tái chế của AENor, Tiêu chuẩn quốc tế BSCI – Bộ tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu | 31/12/2025 (VNĐ) | Tỷ trọng (%) | 31/12/2024 (VNĐ) | Tỷ trọng (%) |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
| I. Tài sản ngắn hạn | 323.143.464.484 | 72,55% | 256.812.755.933 | 81,48 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 38.550.408.822 | 8,66% | 52.430.821.051 | 16,64 |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 50.703.090.307 | 11,38% | 45.362.296.404 | 14,39 |
| 3. Các khoản phải thu ngắn hạn | 138.505.913.920 | 31,10% | 87.554.604.577 | 27,78 |
| 4. Hàng tồn kho | 84.584.468.405 | 18,99% | 68.879.476.480 | 21,85 |

| Chỉ tiêu | 31/12/2025 (VNĐ) | Tỷ trọng (%) | 31/12/2024 (VNĐ) | Tỷ trọng (%) |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 10.799.583.030 | 2,42% | 2.585.557.421 | 0,82 |
| I. Tài sản dài hạn | 122.234.127.569 | 27,45% | 58.388.089.432 | 18,52 |
| 1. Tài sản cố định | 10.172.165.862 | 2,28% | 17.122.503.291 | 5,43 |
| 2, Tài sản dở dang dài hạn | 41.185.679.506 | 9,25% | - | - |
| 3. Đầu tư tài chính dài hạn | 32.038.981.824 | 7,19% | 32.012.743.298 | 10,15 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 38.837.300.377 | 8,72% | 9.252.842.843 | 2,94 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 445.377.592.053 | 100,00 | 315.200.845.365 | 100,00 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam)

Tổng tài sản tăng 130,14 tỷ đồng, tương đương 41,29% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 445,38 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025. Tài sản ngắn hạn tăng 66,33 tỷ đồng, tương đương 25,83...% so với 31/12/2024. Trong đó, hàng tồn kho tăng 15,7 tỷ đồng chủ yếu do tăng lượng hàng nguyên liệu vật liệu phục vụ cho việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất của Công ty.

Tài sản dài hạn tăng 63,85. tỷ đồng, tương đương 109,35% so với 31/12/2025. Trong đó, chi phí trả trước cho tiền thuê mặt bằng diện tích để xây dựng Nhà máy số 2 của Công ty tại Khu Công nghiệp Phố nổi A, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên chiếm tỷ lệ 44,7% giá trị tài sản dài hạn.

2.2. Tình hình nợ phải trả

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2025 (VNĐ) | Tỷ trọng (%) | 31/12/2024 (VNĐ) | Tỷ trọng (%) |
|----------|-------------------------------------|------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 142.035.803.704 | 69,03% | 85.981.042.923 | 94,69% |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 15.704.863.346 | 7,63% | 19.087.070.273 | 21,02% |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 6.907.983.962 | 3,36% | 5.873.750.723 | 6,47% |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 4.176.120.430 | 2,03% | 3.353.343.409 | 3,69% |
| 4 | Phải trả người lao động | 1.667.422.083 | 0,81% | 951.000.000 | 1,05% |

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2025 (VNĐ) | Tỷ trọng (%) | 31/12/2024 (VNĐ) | Tỷ trọng (%) |
|------------------------------|-----------------------------------|------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 141.609.531 | 0,07% | 123.266.855 | 0,14% |
| 6 | Phải trả ngắn hạn khác | 368.617.834 | 0,18% | 448.417.907 | 0,49% |
| 7 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 113.033.186.518 | 54,93% | 56.144.193.756 | 61,83% |
| II | Nợ dài hạn | 63.732.992.838 | 30,97% | 4.822.002.701 | 5,31% |
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 63.732.992.838 | 30,97% | 4.822.002.701 | 5,31% |
| TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ | | 205.768.796.542 | 100,00% | 90.803.045.624 | 100,00% |

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025 ở mức 205,77 tỷ đồng, tăng 126,61.% so với năm 2024. Trong đó, nợ ngắn hạn là 142,04. tỷ đồng chiếm tỷ trọng 69,03% tổng nợ và nợ dài hạn là =63,73 tỷ đồng. Nợ phải trả tăng chủ yếu là do nhu cầu bổ sung vốn lưu động, máy móc thiết bị để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn nên cơ cấu nợ và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty vẫn ở mức an toàn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, ECO luôn tập trung cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý phù hợp với định hướng phát triển từng giai đoạn. Bộ máy nhân sự được đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp. Định kỳ, các bộ phận sẽ cập nhật các thay đổi của quy trình nghiệp vụ để phù hợp với tình hình thực tế. Công ty luôn tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có nhiều cơ hội học tập, thăng tiến. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng cải thiện hệ thống kênh phân phối, gia tăng độ phủ của các sản phẩm chủ lực tại các thị trường lớn.

Bên cạnh đó, các cán bộ chuyên trách của Công ty luôn tích cực tham gia các buổi tọa đàm và chuỗi hội thảo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và các cơ quan chuyên môn phối hợp tổ chức cùng các đơn vị đào tạo để cập nhật kiến thức và áp dụng tại doanh nghiệp.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2026, Công ty đặt mục tiêu đẩy mạnh sản lượng sản xuất và phát triển mở rộng thị trường thông qua các chính sách bán hàng linh hoạt, đa phương thức. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư chiều sâu về nhân sự và công nghệ, tổ chức điều hành và quản lý sản xuất một cách khoa học, cải tiến hợp lý hóa sản xuất nhằm tối ưu chi phí cho sản xuất và kinh doanh, đồng thời nâng dần chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

- Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là khoảng **610 tỷ đồng**;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là khoảng **25 tỷ đồng**.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

ECO luôn duy trì tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường. Trong quá trình hoạt động, công việc quản lý nước thải, chất thải, khí thải được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nguồn nhân lực là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Công ty luôn quan tâm, coi trọng vấn đề này để có được sự ủng hộ, cống hiến, hợp tác lâu dài với người lao động thông qua sự quan tâm và tạo điều kiện cho cá nhân người lao động có cơ hội phát triển bản thân. Người lao động trong công ty luôn được quan tâm và có chính sách phù hợp để xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài.

Công ty luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn kết quan hệ giữa các nhân viên và xây dựng văn hóa công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn chung sức, đồng lòng với người lao động, đảm bảo ổn định việc làm và đời sống của người lao động, đảm bảo người lao động được hưởng tất cả quyền lợi về mặt vật chất và tinh thần theo quy định của pháp luật.

Chế độ lương, thưởng của cán bộ công nhân viên trong Công ty luôn được đảm bảo xứng đáng và công bằng. Người lao động luôn được khuyến khích và tạo điều kiện để nâng cao kiến thức, kỹ năng để phát triển.

Ngoài ra, công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được công ty quan tâm thông qua các hoạt động cụ thể như: khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đồng phục, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động,...

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng là một chính sách nhất quán xuyên suốt hoạt động của Công ty với nhiều chính sách, hoạt động khác nhau. Trong năm vừa qua, các chương trình từ thiện cho các trung tâm bảo trợ xã hội tại địa phương, bệnh viện, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn đã được ECO tổ chức và nhận được sự ủng hộ nhiệt tình từ toàn thể cán bộ công nhân viên.

[Hết nội dung tại trang này]

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2025, Việt Nam vượt qua các thách thức chung về địa chính trị và suy thoái kinh tế toàn cầu. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam trong năm 2025 đạt trên 7,47 tỷ USD, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm 2024. Thị trường bao bì nhựa năm 2024 tiếp tục có sự tăng trưởng ổn định, mặc dù chịu tác động từ nhiều diễn biến phức tạp về nguồn nguyên liệu và giá cả ở trong nước và nước ngoài.

Trong bối cảnh đó, ECO tiếp tục giữ vững vị thế trên thị trường và ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng với Doanh thu thuần hợp nhất đạt 467,32 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,92% so với năm trước; Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đạt 13,21 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2024. Hai chỉ tiêu này lần lượt đạt 93,6% và 85,23% kế hoạch kinh doanh đã được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2025. Kết quả kinh doanh trên có được nhờ quản lý tốt quy trình sản xuất, giảm tỷ lệ phế, mở rộng nhà máy sản xuất, cải thiện quản lý hàng tồn kho cũng như tăng cường nỗ lực bán hàng và tiếp cận những khách hàng tiềm năng, mở rộng thị trường. Bên cạnh đó, sự đồng lòng của đội ngũ cán bộ công nhân viên đã góp phần không nhỏ vào thành công trong năm 2025 của ECO.

Bên cạnh việc hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận, trong năm 2025, ECO cũng đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, góp phần phát triển kinh tế xã hội, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo không vi phạm pháp luật về môi trường, đồng thời tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Với những kết quả đạt được trong năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, đảm bảo việc làm cho người lao động, đảm bảo an toàn sức khỏe nhân viên và kinh doanh có trách nhiệm cao với các bên liên quan, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã quản lý tốt hoạt động kinh doanh của Công ty với kinh nghiệm và khả năng ra quyết định linh hoạt với biến động của thị trường. Ban Tổng Giám đốc đã hoạch định những giải pháp kinh doanh phù hợp, tận dụng những ưu thế của Công ty để đem lại những kết quả kinh doanh vượt kế hoạch trong năm 2025.

Hội đồng quản trị cũng đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị doanh nghiệp và xây dựng văn hóa nội bộ an toàn, năng động, nâng cao lợi ích cho người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Định hướng phát triển của Công ty là trở thành doanh nghiệp sản xuất ổn định, phát triển lâu dài và bền vững đồng thời tiến tới mở rộng thị phần và vị thế trong ngành sản xuất bao bì nhựa trên toàn cầu nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh trong dài hạn. Theo đó, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư chiều sâu về nhân sự và công nghệ, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của Công ty trong việc phát triển mở rộng thị trường thông qua các chính sách bán hàng linh hoạt, đa phương thức nhằm nâng cao năng suất sản xuất và tăng doanh thu.

Các chiến lược hoạt động sẽ được Công ty triển khai trong năm 2025 như sau:

- Đầu tư hệ thống dây chuyền và máy móc thiết bị sản xuất;
- Tổ chức điều hành sản xuất và quản lý sản xuất một cách khoa học và không ngừng đổi mới cải tiến hợp lý hóa sản xuất;
- Chủ động đảm bảo nguyên liệu vật liệu, quản lý chặt chẽ các định mức sản xuất, và nâng dần chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho CBCNV, tiết kiệm chi phí cho sản xuất và kinh doanh, đồng thời tăng năng suất lao động;
- Tìm kiếm mở rộng thị trường mới trong và ngoài nước.

[Hết nội dung tại trang này]

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên | Chức vụ đang nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|------------------|--|----------------------|
| 1 | Nguyễn Văn Bình | • 01/2023 - nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam | 20,00% |
| 2 | Nguyễn Đình Tuấn | • 01/2023 - nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam • 07/2025 - nay: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam | 1,5% |
| 3 | Đào Quốc Hùng | • 01/2023 - nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam • 09/2024 - nay: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam | 0,15% |
| 4 | Nguyễn Tôn Việt | • 04/2025 - nay: Thành viên HĐQT độc lập – Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam | 0,00% |

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo, xây dựng các mục tiêu, định hướng, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2025 với trọng tâm linh hoạt thích ứng, gia tăng lợi ích cho cổ đông, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan, nâng cao hiệu quả trong quản trị điều hành doanh nghiệp, xây dựng và lan tỏa văn hóa hóa doanh nghiệp, phát huy sức mạnh của tập thể.

Thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tiến hành 10 cuộc họp Hội đồng quản trị nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động của công ty. Việc tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành. Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham dự trực tiếp các cuộc họp với tỷ lệ tham dự 100%.

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------|------------|---|-----------------|
| 1 | 01/2025/NQ-HĐQT/ECO | 16/01/2025 | Thông qua giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan trong năm 2025 | 100% |
| 2 | 02/2025/NQ-HĐQT/ECO | 26/02/2025 | Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức cuộc họp Đại hội | 100% |

| | | | | |
|----|---------------------|------------|--|------|
| | | | đồng cổ đông thường niên năm 2025 | |
| 3 | 04/2025/NQ-HĐQT/ECO | 16/06/2025 | Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng | 100% |
| 4 | 05/2025/NQ-HĐQT/ECO | 30/06/2025 | Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025 | 100% |
| 5 | 06/2025/NQ-HĐQT/ECO | 15/07/2025 | Thông qua việc thay đổi Tổng Giám đốc và người đại diện pháp luật của Công ty | 100% |
| 6 | 07/2025/NQ-HĐQT/ECO | 20/08/2025 | Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng | 100% |
| 7 | 08/2025/NQ-HĐQT/ECO | 20/08/2025 | Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng | 100% |
| 8 | 09/2025/NQ-HĐQT/ECO | 20/08/2025 | Thông qua việc bổ sung chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng | 100% |
| 9 | 10/2025/NQ-HĐQT/ECO | 07/11/2025 | Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 1 năm 2025 | 100% |
| 10 | 11/2025/NQ-HĐQT/ECO | 10/11/2025 | Thông qua triển khai phân phối cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng | 100% |

1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hội đồng quản trị luôn đánh giá cao sự tham gia và đóng góp của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Do đó, Công ty luôn duy trì và đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo đúng quy định của pháp luật.

Sự tham gia của thành viên hội đồng quản trị độc lập giúp đảm bảo tính minh bạch, đưa ra góc nhìn tổng thể hơn, bao quát hơn đến toàn bộ các lợi ích của các chủ thể có liên quan và đưa ra những ý kiến nhằm tăng cường tính hiệu quả, khả thi của các quyết định của Hội đồng quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo được quyền và lợi ích của doanh nghiệp và các cổ đông.

1.4. Chính sách phát triển và đào tạo chuyên viên cho thành viên Hội đồng quản trị

Nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng một Hội đồng quản trị chuyên nghiệp, hoạt động hiệu quả với vai trò đảm bảo lợi nhuận và sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Do đó, những chính sách phát triển đào tạo chuyên môn cho thành viên Hội đồng quản trị đã được xây dựng để hỗ trợ các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện hiệu quả vai trò, chức năng của mình.

Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ về quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin,... và các lĩnh vực khác liên quan cho các Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc chủ động cập nhật các thay đổi của quy định pháp luật.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo điều kiện tối đa để các thành viên Hội đồng quản trị và các cán bộ quản lý tham gia các hội thảo, chương trình về quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam tổ chức.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|------------------|--------------------------|----------------------|
| 1 | Nguyễn Thu Hằng | Trưởng Ban Kiểm soát | 0,017% |
| 2 | Trần Ngọc Phương | Thành viên Ban Kiểm soát | 0,17% |
| 3 | Đỗ Thị Duyên | Thành viên Ban Kiểm soát | 0,75% |

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ với tỷ lệ tham dự đạt 100%. Ban Kiểm soát đã tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát còn tiến hành thẩm tra các Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tổng thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm 2025 như sau:

| STT | Thành viên | Chức danh | Thu nhập (VNĐ) |
|-----|------------------|--|---|
| 1 | Nguyễn Văn Bình | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Thù lao HĐQT 60.000.000 đồng |
| 2 | Nguyễn Đình Tuấn | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 86.000.000 đồng trong đó thù lao HĐQT: 36.000.000 đồng và tiền lương: 50.000.000 đồng |
| 3 | Đào Quốc Hùng | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 184.188.735 đồng trong đó thù lao HĐQT: 36.000.000 đồng và tiền lương: 148.188.735 đồng |
| 4 | Nguyễn Tôn Việt | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập | Thù lao HĐQT 24.600.000 đồng |
| 5 | Nguyễn Thu Hằng | Trưởng Ban Kiểm soát | 155.569.700 đồng trong đó thù lao BKS: 36.000.000 đồng và tiền lương: 119.569.700 đồng |
| 6 | Trần Ngọc Phương | Thành viên Ban Kiểm soát | 143.190.773 đồng, trong đó thù lao BKS: 24.000.000 đồng và tiền lương: 119.190.773 đồng |
| 7 | Đỗ Thị Duyên | Thành viên Ban Kiểm soát | 128.808.209 đồng, trong đó thù lao BKS: 24.000.000 đồng và tiền lương 104.808.209 đồng |
| 8 | Lê Thị Thủy | Phó Tổng Giám đốc | Lương 152.383.028 đồng |

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có.

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

| STT | Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch (ĐVT: Đồng) |
|-----|--|------------------|--------------------|-------------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang | Công ty liên kết | Mua hàng | 16.481.340.000 |
| 2 | Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa sinh thái Việt Nam | Công ty con | Góp vốn | 48.000.000.000 |

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2025, ECO đã hoàn thành tốt các nghĩa vụ về công bố thông tin định kỳ, bất thường theo quy định đến các nhà đầu tư. Tuy nhiên để hướng tới việc thực hiện tốt các chuẩn mực về quản trị công ty của khu vực và trên thế giới, trong thời gian tới ECO cần tiếp tục thực hiện một số công tác sau liên quan đến quản trị công ty:

❖ Kế hoạch ngắn hạn

- Đảm bảo công bố đầy đủ các thông tin theo đúng quy định tới các cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư trên website của Công ty.
- Liên tục cập nhật những thay đổi quy định pháp luật về công bố thông tin;
- Tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và các đơn vị uy tín tổ chức.

❖ Kế hoạch dài hạn

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Công ty với các đơn vị thành viên, giữa các thành viên với nhau trên cơ sở đảm bảo sự thống nhất, tăng cường tính tuân thủ trên toàn hệ thống.
- Phát huy vai trò quản trị tập trung, hỗ trợ về quản trị của Công ty đối với các đơn vị thành viên về tài chính, nhân sự - đào tạo, công nghệ thông tin, thương hiệu, đầu tư, xây dựng cơ bản trong toàn hệ thống.
- Thường xuyên cập nhật kiến thức pháp luật, thông lệ tốt về quản trị công ty trong và ngoài nước để vận dụng vào thực tiễn hoạt động của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro, tuân thủ và kiểm toán nội bộ để cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp.

[Hết nội dung tại trang này]

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam đã được đăng tải đầy đủ trên trang website của Công ty. Địa chỉ đường link xem báo cáo tài chính là: <https://ecoplastic.com.vn/vi/new/bao-cao-tai-chinh.html>

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK HN;
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐÌNH TUẤN

C.P. 1/1